TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
Khoa Tiếng Đức
---------oOo---------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
----------oOo----------

ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Thực hành tiếng 2B2 (61GER22B2)

Số tín chỉ: 3
Phòng thi: Online - 01 - 04
Ứng dụng: MS Team - Zoom

Nhóm học phần 01 - 04
Ngày thi kết thúc học phần: 29-30/11 và 2/12/2021

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		CC [10%]	BT[0%] KT[30%]	Điểm nói 60%	Điểm Ngh,Đ,V 60%	Thi [60%]	Ghi chú
1	2B2-01	2007050017	Nguyễn Thị Ngọc	**Ánh**	10.0	5.7	5.8	7.5	6.7	
2	2B2-02	2007050019	Lê Thị Ngọc	**Bích**	10.0	7.5	7.5	8.0	7.8	
3	2B2-03	2007050023	Nguyễn Thị Kim	**Chi**	9.5	6.5	6.0	8.0	7.0	
4	2B2-04	2007050033	Trương Quang	**Duy**	10.0	7.2	5.8	9.0	7.4	
5	2B2-05	2007050028	Đào Thị	**Dương**	10.0	7.3	7.5	8.6	8.1	
6	2B2-06	2007050025	Trần Ngọc Bảo	**Đan**	10.0	3.3	5.0	7.1	6.1	
7	2B2-07	2007050039	Trần Minh	**Giang**	10.0	6.6	6.0	8.6	7.3	
8	2B2-08	2007050053	Nguyễn Như	**Hiển**	10.0	6.2	6.5	7.9	7.2	
9	2B2-09	2007050054	Lưu Trung	**Hiếu**	10.0	7.2	6.0	8.0	7.0	
10	2B2-10	2007050065	Nguyễn Thị Thu	**Huyền**	10.0	7.6	5.0	8.0	6.5	
11	2B2-11	2007050062	Phạm Thùy	**Hương**	10.0	6.9	7.5	8.2	7.9	
12	2B2-12	2007050067	Phạm Kim	**Khánh**	10.0	7.1	7.5	8.6	8.1	
13	2B2-13	2007050071	Lê Phương	**Linh**	10.0	5.0	5.0	6.8	5.9	
14	2B2-14	2007050072	Nguyễn Khánh	**Linh**	9.5	4.6	4.3	7.5	5.9	
15	2B2-15	2007050075	Nguyễn Việt Phương	**Linh**	10.0	9.0	9.0	9.6	9.3	
16	2B2-16	2007050076	Trần Thu	**Linh**	10.0	8.5	9.5	8.0	8.8	
17	2B2-17	2007050091	Nguyễn Hà	**My**	10.0	7.5	6.5	9.2	7.9	
18	2B2-18	2007050097	Trần Trung	**Nghĩa**	10.0	5.2	5.0	8.0	6.5	
19	2B2-19	2007050100	Ngô Bích	**Ngọc**	10.0	6.8	6.0	8.1	7.1	
20	2B2-20	2007050101	Nguyễn Bích	**Ngọc**	10.0	7.5	6.8	7.6	7.2	
21	2B2-21	2007050106	Chu Hà Yến	**Nhi**	10.0	5.3	5.0	8.0	6.5	
22	2B2-22	2007050109	Nguyễn Thị Hồng	**Oanh**	10.0	6.5	4.5	8.0	6.3	
23	2B2-23	2007050111	Hoàng Minh	**Phương**	10.0	6.7	5.8	8.2	7.0	
24	2B2-24	2007050120	Nguyễn Hồng	**Quyên**	10.0	5.3	4.0	7.8	5.9	
25	2B2-25	2007050134	Nguyễn Thị Phương	**Thảo**	9.5	5.5	5.0	8.0	6.5	
26	2B2-26	2007050138	Nguyễn Thị	**Thu**	10.0	7.8	7.0	9.2	8.1	
27	2B2-27	2007050139	Hà Thị Thanh	**Thúy**	10.0	7.6	8.0	9.4	8.7	
28	2B2-28	2007050147	Hoàng Thu	**Trang**	10.0	7.3	7.8	8.0	7.9	
29	2B2-29	2007050150	Trần Thu	**Trang**	10.0	6.6	7.0	8.8	7.9	
30	2B2-30	2007050156	Lưu Phú	**Trọng**	9.5	6.0	4.0	6.7	5.4	
31	2B2-31	1607050035	Nguyễn Thị	**Duyên**	10.0	7.2	6.0	8.9	7.5	Học lại THT nghe 3- Niên chế
1	2B2-32	2007050001	Vũ Thị Thuý	**An**	10.0	7.0	4.0	8.1	6.1	
2	2B2-33	2007050009	Nguyễn Hồng	**Anh**	9.5	8.4	7.5	7.9	7.7	
3	2B2-34	2007050018	Trần Ngọc	**Ánh**	10.0	4.4	5.0	7.6	6.3	
4	2B2-35	2007050020	Dương Thị Thu	**Chang**	10.0	9.2	6.5	8.2	7.4	
5	2B2-36	2007050034	Nguyễn Thị	**Duyên**	10.0	7.8	6.5	6.9	6.7	
6	2B2-37	2007050031	Nguyễn Thùy	**Dương**	9.5	4.6	5.5	7.7	6.6	
7	2B2-38	2007050032	Nguyễn Thị Hải	**Đường**	10.0	7.0	6.0	6.1	6.1	
8	2B2-39	2007050036	Nguyễn Hương	**Giang**	10.0	9.6	6.0	8.6	7.3	
9	2B2-40	2007050040	Chu Thị	**Hà**	9.0	6.0	5.5	6.6	6.1	
10	2B2-41	2007050044	Phạm Thị	**Hà**	10.0	7.8	7.0	6.6	6.8	
11	2B2-42	2007050046	Trần Thu	**Hà**	10.0	5.4	5.0	8.2	6.6	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		CC [10%]	BT[0%] KT[30%]	Điểm nói 60%	Điểm Ngh,Đ,V 60%	Thi [60%]	Ghi chú
12	2B2-43	2007050048	Nguyễn Thị	**Hạnh**	9.5	6.4	7.0	8.6	7.8	
13	2B2-44	2007050058	Nguyễn Huy	**Hoàng**	10.0	6.6	7.0	7.8	7.4	
14	2B2-45	2007050060	Lê Thị Lan	**Hương**	10.0	6.4	5.5	8.2	6.9	
15	2B2-46	2007050063	Nguyễn Minh	**Hường**	10.0	6.0	7.0	7.4	7.2	
16	2B2-47	2007050068	Đặng Ngọc	**Lan**	10.0	7.8	7.0	7.9	7.5	
17	2B2-48	2007050069	Cao Lê Thùy	**Linh**	9.5	6.0	7.5	8.0	7.8	
18	2B2-49	2007050081	Mầu Yến	**Ly**	8.5	6.8	8.0	5.9	7.0	
19	2B2-50	2007050083	Lương Ngọc	**Mai**	10.0	6.0	7.0	6.1	6.6	
20	2B2-51	2007050084	Nguyễn Ngọc	**Mai**	10.0	7.2	8.5	8.8	8.7	
21	2B2-52	2007050086	Trần Xuân	**Mai**	10.0	5.8	6.5	7.6	7.1	
22	2B2-53	2007050089	Lê Thị Trà	**My**	10.0	8.2	6.0	7.3	6.7	
23	2B2-54	2007050093	Nguyễn Thị	**Nga**	10.0	8.0	6.0	7.0	6.5	
24	2B2-55	2007050094	Nguyễn Việt	**Nga**	10.0	5.4	4.5	6.8	5.7	
25	2B2-56	2007050099	Cao Bích	**Ngọc**	10.0	8.8	7.0	8.8	7.9	
26	2B2-57	2007050107	Hoàng Thị Hương	**Nhi**	9.0	8.6	7.0	8.6	7.8	
27	2B2-58	2007050117	Thân Thị Minh	**Phượng**	10.0	6.8	6.5	7.2	6.9	
28	2B2-59	2007050121	Nguyễn Thị Diễm	**Quỳnh**	10.0	8.4	7.0	7.9	7.5	
29	2B2-60	2007050122	Vũ Như	**Quỳnh**	10.0	5.8	6.5	7.5	7.0	
30	2B2-61	2007050135	Phan Thị Thanh	**Thảo**	9.5	6.0	6.0	5.9	6.0	
31	2B2-62	2007050136	Vũ Thu	**Thảo**	10.0	7.8	4.5	6.9	5.7	
32	2B2-63	2007050142	Nguyễn Ngọc	**Thủy**	10.0	7.0	7.5	6.7	7.1	
33	2B2-64	2007050149	Trần Thị Hồng	**Trang**	10.0	6.2	8.0	7.7	7.9	
34	2B2-65	2007050155	Trần Thị Hải	**Yến**	10.0	6.4	7.5	7.2	7.4	
1	2B2-66	2007050002	Bùi Đinh Thị Ngọc	**Anh**	10.0	**6.4**	5.0	6.5	5.8	Nhóm 3, điểm GHP thay đổi sau PT, GV báo lại điểm
2	2B2-67	2007050003	Đặng Hoàng	**Anh**	10.0	**7**	3.0	8.4	5.7	
3	2B2-68	2007050007	Lương Hà	**Anh**	9.5	**8.2**	6.5	9.6	8.1	
4		2007050014	Tiêu Hoàng Phương	**Anh**	4.0	**4.8**	CT	CT	CT	CT nghỉ 16 buổi - BL
5	2B2-69	2007050015	Trần Minh	**Anh**	10.0	**7.2**	5.0	7.4	6.2	
6	2B2-70	2007050021	Lý Khánh	**Chi**	9.0	**8.2**	5.0	8.6	6.8	
7	2B2-71	2007050022	Nguyễn Hà	**Chi**	10.0	**9.4**	5.0	9.2	7.1	
8	2B2-72	1907050030	Nguyễn Thị Linh	**Chi**	9.0	**6**	5.0	5.1	5.1	
9	2B2-73	2007050026	Nguyễn Bùi Hoàng	**Diệp**	9.5	**7**	3.0	8.0	5.5	
10	2B2-74	2007050027	Nguyễn Thị Huyền	**Dịu**	10.0	**6.4**	6.0	7.8	6.9	
11	2B2-75	2007050030	Huỳnh Thuỳ	**Dương**	10.0	**9.2**	7.0	8.8	7.9	
12	2B2-76	2007050037	Nguyễn Hương	**Giang**	10.0	**8.6**	5.0	8.6	6.8	
13	2B2-77	2007050041	Đỗ Thị Thu	**Hà**	10.0	**5.2**	5.0	8.2	6.6	
14	2B2-78	2007050042	Nguyễn Hải	**Hà**	10.0	**8.2**	8.5	9.6	9.1	
15	2B2-79	2007050047	Nguyễn Sơn	**Hải**	10.0	**7.4**	4.0	9.0	6.5	
16	2B2-80	2007050049	Nguyễn Thị	**Hạnh**	10.0	**6.2**	5.0	7.2	6.1	
17	2B2-81	2007050052	Vũ Thanh	**Hiền**	10.0	**8**	5.0	9.2	7.1	
18	2B2-82	2007050057	Trần Thị Kim	**Hoàn**	10.0	**8**	8.0	9.0	8.5	
19	2B2-83	2007050064	Nghiêm Thị	**Huyên**	10.0	**8.4**	7.0	8.6	7.8	
20	2B2-84	2007050073	Nguyễn Thị Diệp	**Linh**	10.0	**9.4**	8.0	7.8	7.9	
21	2B2-85	2007050077	Trần Thùy	**Linh**	9.5	**7.6**	5.0	8.6	6.8	
22	2B2-86	2007050078	Vũ Thị Phương	**Linh**	10.0	**8.8**	5.5	7.6	6.6	
23	2B2-87	2007050082	Nguyễn Thị Khánh	**Ly**	10.0	**8.4**	6.0	9.6	7.8	
24	2B2-88	1907050087	Nguyễn Thoại	**Ly**	10.0	**8.2**	7.0	9.4	8.2	
25	2B2-89	2007050085	Phạm Phương	**Mai**	10.0	**8.6**	7.5	8.4	8.0	
26	2B2-90	2007050092	Nguyễn Thành	**Nam**	10.0	**8**	7.0	9.6	8.3	

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		CC [10%]	BT[0%] KT[30%]	Điểm nói 60%	Điểm Ngh,Đ,V 60%	Thi [60%]	Ghi chú
27	2B2-91	2007050096	Phan Thị Hiền	**Ngân**	10.0	5.6	5.5	6.1	5.8	
28	2B2-92	2007050098	Bùi Bảo	**Ngọc**	10.0	7	6.0	7.8	6.9	
29	2B2-93	2007050108	Phạm Thị Trang	**Nhung**	10.0	7.6	7.0	8.2	7.6	
30	2B2-94	2007050112	Hoàng Thị Xuân	**Phương**	10.0	8.6	6.5	9.2	7.9	
31	2B2-95	2007050126	Đoàn Hoàng	**Sơn**	10.0	8	8.0	8.4	8.2	
32	2B2-96	2007050130	Trần Mạnh	**Thắng**	10.0	6.4	7.0	6.8	6.9	
33	2B2-97	2007050143	Nguyễn Quốc	**Toàn**	10.0	7.2	7.0	8.6	7.8	
34	2B2-98	2007050152	Nguyễn Thị Thu	**Vân**	10.0	8.2	6.5	9.2	7.9	
1	2B2-99	2007050006	Lê Quỳnh	**Anh**	10.0	8.0	5.3	8.6	7.0	
2	2B2-100	2007050011	Nguyễn Thị Trâm	**Anh**	10.0	7.2	6.5	8.6	7.6	
3	2B2-101	2007050012	Nguyễn Vân	**Anh**	10.0	5.8	5.3	8.6	7.0	
4	2B2-102	2007050016	Trần Thị Lan	**Anh**	10.0	5.6	6.5	7.7	7.1	
5	2B2-103	1907050027	Lê Quỳnh	**Chi**	10.0	8.6	7.0	8.6	7.8	
6	2B2-104	2007050024	Trần Thị Linh	**Chi**	10.0	9.2	6.0	8.0	7.0	
7	2B2-105	2007050038	Nguyễn Thị	**Giang**	10.0	7.4	6.8	8.6	7.7	
8	2B2-106	2007050043	Nguyễn Thu	**Hà**	10.0	6.8	7.0	8.6	7.8	
9	2B2-107	2007050045	Phạm Thị Thu	**Hà**	10.0	5.6	6.0	7.3	6.7	
10	2B2-108	2007050050	Nguyễn Thị Thanh	**Hiền**	10.0	8.6	6.3	8.9	7.6	
11	2B2-109	2007050051	Trịnh Thu	**Hiền**	10.0	5.8	5.0	9.2	7.1	
12		2007050055	Hồ Thị	**Hòa**	0.0	0.0	CT	CT	CT	CT nghỉ 27 buổi - BL
13	2B2-110	2007050056	Lê Đào Thanh	**Hoan**	10.0	4.4	5.5	4.6	5.1	PT - Đ,Ngh,V = 4.6 không thay đổi
14	2B2-111	2007050061	Ngô Thảo	**Hương**	10.0	6.2	7.3	8.2	7.8	
15	2B2-112	2007050074	Nguyễn Thị Mai	**Linh**	10.0	6.0	5.5	8.0	6.8	
16	2B2-113	2007050087	Nguyễn Tuệ	**Minh**	10.0	4.0	7.0	7.6	7.3	
17	2B2-114	2007050095	Nguyễn Thị Thùy	**Ngân**	10.0	8.0	6.5	9.0	7.8	
18	2B2-115	2007050102	Nguyễn Huyền	**Ngọc**	10.0	7.2	7.8	7.8	7.8	
19	2B2-116	2007050104	Nguyễn Thị Hoài	**Ngọc**	10.0	6.0	7.0	6.6	6.8	PT - Nói = 7.0 kg thay đổi
20	2B2-117	2007050105	Trần Hồng	**Ngọc**	10.0	4.8	8.0	7.6	7.8	
21	2B2-118	2007050110	Tạ Thị Kiều	**Oanh**	9.8	5.0	6.0	7.0	6.5	
22	2B2-119	2007050114	Nghiêm Thị Minh	**Phương**	9.5	7.0	7.5	8.6	8.1	
23	2B2-120	2007050115	Phạm Thị	**Phương**	10.0	6.2	6.0	8.0	7.0	
24	2B2-121	2007050116	Nguyễn Bích	**Phượng**	10.0	5.0	6.5	7.4	7.0	
25	2B2-122	2007050118	Nguyễn Khắc	**Quang**	10.0	7.4	8.0	9.0	8.5	
26	2B2-123	2007050123	Vũ Như	**Quỳnh**	10.0	6.8	7.5	9.6	8.6	
27	2B2-124	2007050124	Vũ Thị Bích	**Quỳnh**	10.0	6.4	6.5	8.2	7.4	
28	2B2-125	2007050129	Vũ Thanh	**Tân**	9.5	7.2	9.0	8.7	8.9	
29	2B2-126	2007050131	Bùi Phương	**Thảo**	10.0	6.8	4.3	8.6	6.5	
30	2B2-127	2007050132	Đỗ Ngọc	**Thảo**	9.8	5.8	8.0	6.4	7.2	
31	2B2-128	2007050141	Bùi Thanh	**Thủy**	10.0	8.4	6.0	7.8	6.9	
32	2B2-129	2007050144	Kiều Thu	**Trà**	10.0	6.2	7.0	7.6	7.3	
33	2B2-130	2007050146	Hoàng Thị	**Trang**	10.0	5.4	7.5	8.0	7.8	
34	2B2-131	2007050148	Nguyễn Việt	**Trang**	10.0	6.6	7.5	7.8	7.7	
35	2B2-132	2007050153	Nguyễn Thị	**Yến**	9.5	6.2	6.8	7.9	7.4	

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2021

Người lập bảng

Khoa tiếng Đức